

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 279 /BVL&BP-TCHC

Hải Phòng, ngày 09 tháng 7 năm 2019

V/v công bố Bệnh viện Lao và bệnh Phổi
là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng là cơ sở
thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hải Phòng
Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 06/2014/GPHĐBV, do Sở
Y tế thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 4 năm 2014.

Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08

Địa chỉ: Số 568 đường Trần Tất Văn, Trảng Minh, Kiến An, Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ths. Bs CKII Mạc Huy Tuấn

Điện thoại liên hệ: 0225.3.876.230

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của
Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức
khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với
các nội dung sau đây:

1. Chuyên ngành Lao và bệnh phổi đào tạo thực hành: (Danh mục kèm
theo - Phụ lục 1)

2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)

3. Số lượng người đào tạo thực hành (Danh mục kèm theo - Phụ lục 1)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục
kèm theo - Phụ lục 2)

5. Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại
mỗi khoa, phòng: (Danh mục kèm theo - Phụ lục 2).

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành:
(Danh mục kèm theo - Phụ lục 3)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã
công bố.

Kính đề nghị Quý sở xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

(Tài liệu gửi kèm theo bản công bố)

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn./.

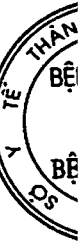
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
LAO
VÀ
BỆNH PHỔI
Mạc Huy Tuấn

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường bệnh tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường bệnh	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 62.72.20.05 CK)	CKII	Nội hô hấp	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	2	10	30	90		
						Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	2	10	50	150		
						Khoa Cấp cứu - HSTC&CD	2	10	25	75		
						Khoa D (khoa Lao/HIV-AIDS)			20	60		
						Khoa E (khoa bệnh Phổi)	1	5	30	90		
						Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	1	5	60	180		
						Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	5	35	105		



Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 607224 CK)	CKI	Lao và bệnh Phổi	Bệnh học lao người lớn.	Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	2	10	30	90		
			Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em.		Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	2	10	50	150		
			Bệnh học phổi ngoài lao.		Khoa Cấp cứu - HSTC&CD	2	10	25	75		
			Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG.		Khoa D (khoa Lao/HIV-AIDS)			20	60		
					Khoa E (khoa bệnh Phổi)	1	5	30	90		
					Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	1	5	60	180		
					Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	5	35	105		

3 Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720101)	Đại học	Y đa khoa	Lao và bệnh phổi	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	2	20	30	90		
					Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	2	20	50	150		
					Khoa Cấp cứu-HSTC&CĐ	2	20	25	75		
					Khoa Đ (khoa Lao/HIV-AIDS)			20	60		
					Khoa E (khoa bệnh Phổi)	1	10	30	90		
					Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	1	10	60	180		
					Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	35	105		

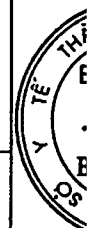
Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720301)						
Đại học						
Điều dưỡng						
Lao và bệnh phổi						
Thực hành chăm sóc bệnh nhân						
Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	2	20	30	90		
Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	2	20	50	150		
Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	2	20	25	75		
Khoa D (khoa Lao/HIV-AIDS)			20	60		
Khoa E (khoa bệnh Phổi)	1	10	30	90		
Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	1	10	60	180		
Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	35	105		

Mã cơ sở đào tạo liên tục: C05.08 (Mã đào tạo 7720110)	Đại học	Y học dự phòng	Thực hành lâm sàng, thực tập vi trùng lao	Thực hành lâm sàng, thực tập vi trùng lao	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	2	20	30	90		
					Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	2	20	50	150		
					Khoa Cấp cứu-HSTC&CĐ	2	20	25	75		
					Khoa Đ (khoa Lao/HIV-AIDS)			20	60		
					Khoa E (khoa bệnh Phổi)	1	10	30	90		
					Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	1	10	60	180		
					Khoa Điều trị theo yêu cầu	1	10	35	105		
					Khoa Xét nghiệm	1	10				

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG
GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

I. CÁN BỘ NHÀ TRƯỜNG:

S T T	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệ m KCB	Môn học/ học phần tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường bệnh đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Huy Điện	PGs. Ts	KB, CB chuyên khoa Nội	003941/ HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG cộng đồng; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	30
2	Nguyễn Thị Trang	Thạc sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	009780/ HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	2			Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	50
3	Trương Thành Kiên	Thạc sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội	006343/ HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5			Khoa Cấp cứu - HSTC&CĐ	25
4	Nguyễn Đức Thọ	Tiến sĩ	KB, CB chuyên khoa Nội hô hấp	002616 8/BYT- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội hô hấp	4			Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	60



II. CÁN BỘ CƠ SỞ THỰC HÀNH:

ST T	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường bệnh đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Mạc Huy Tuấn	ThS. BSCKII	Chuyên khoa xét nghiệm, BSCKII	003466 /HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm, Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	5	Thực tập vi trùng lao	Thực tập vi trùng lao	Khoa Xét nghiệm	
2	Bùi Tiến Viễn	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	002228 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	6	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phối hợp)	30
3	Nguyễn Thị Thơ	BS CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	003943 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5				

4	Nguyễn Thị Thanh Lan	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	010556 /HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	1	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	30
5	Phạm Đức Tứ	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005359 /HP-CCHN	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN	Khoa A (khoa Điều trị bệnh Lao phổi hợp)	30
6	Lương Thị Thanh Bình	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	003833 /HP-CCHN	Điều dưỡng	5				
7	Hoàng Thị Thương	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	009040 /HP-CCHN	Điều dưỡng	3				

8	Phan Xuân Trường	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	000216 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp	7	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	50
9	Đặng Thị Huệ	BS. CK I	KB, CB Nội khoa	005679 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	5				
10	Phạm Đức Luân	Bác sỹ	KB, CB Nội khoa	010557 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				
11	Phạm Trung Kiên	BS. CKI	KB, CB Nội khoa	005339 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	5				
12	Lê Quang Cường	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	006347 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN	Khoa B (khoa Điều trị Lao ngoài phổi)	50

13	Đàm Quang Sơn	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	006714 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Cấp cứu - HSTC&CĐ	25
14	Nguyễn Tuấn Anh	ThS. Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	001478 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	2				
15	Dương Anh Tuấn	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	000144 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	2				
16	Đoàn Thị Thoa	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	010555 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	1				
17	Vũ Thị Hoa	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005353 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN		

18	Phạm Thị Tuyết	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	001755 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	6	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Đ (khoa Lao/HIV- AIDS)	20
19	Phạm Đức Khanh	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	006354 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5				
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	010956 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				
21	Vũ Ngọc Trường	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	003946 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa E (khoa bệnh Phổi)	30
22	Ngô Quyết Thắng	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	011006 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				

23	Bùi Thị Tuyền	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	010349 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	1	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn doán; Thực hành lâm sàng	Khoa E (khoa bệnh Phổi)	30
24	Phạm Thành Thái	Cn DH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005872 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN		

25	Đinh Thị Tâm	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	005336 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiểm gập và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa F (khoa Lao phổi và lao kháng thuốc)	60
26	Nguyễn Thị Khánh Ninh	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	003932 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				
27	Bùi Hải Hà	Bác sỹ	KB, CB chuyên khoa Nội	009681 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	2				
28	Nguyễn Thị Mai Thờ	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005682 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5				

29	Lê Đức Nguyên	BS. CKII	KB, CB chuyên khoa Nội	003945 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5	Bệnh lao người lớn; Bệnh học lao và bệnh phổi trẻ em; Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp và Chương trình CLQG; Thực hành lâm sàng	Thăm khám bệnh; Triệu trúng và đưa phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Điều trị theo yêu cầu	35
30	Phùng Thị Huyền	BS. CKI	KB, CB chuyên khoa Nội	003460 /HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Nội	5				
31	Bùi Thị Hương	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	003939 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				
32	Ngô Thu Hà	Bác sỹ	Bác sỹ đa khoa	005343 /HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	1				
33	Bùi Thị Hòa	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	003918 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5				
34	Trần Thị Thanh Loan	Cn ĐH Điều dưỡng	Điều dưỡng	005681 /HP- CCHN	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật điều dưỡng; Thực hành chăm sóc BN	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc BN		

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
I	Thiết bị chiếu chụp CDHA		
1	Máy X.Quang UDI-50	1	
2	Máy X.Quang cao tần QS500	1	
3	Hệ thống xử lý X.quang số hóa	2	
4	Máy in phim khô	2	
5	Máy chụp Citi Somatom	1	
II	Máy siêu âm		
1	Máy siêu âm đen trắng	1	
2	Máy siêu âm màu	1	
3	Máy siêu âm tổng quát 2 đầu dò	1	
III	Hệ thống nội soi khám bệnh		
1	Hệ thống nội soi màng phổi	1	
2	Hệ thống nội soi phế quản	1	
IV	Thiết bị thăm dò chức năng		
1	Máy đo chức năng hô hấp	1	
2	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
V	Máy điện tim		
1	Máy điện tim 3 cần	2	
VI	Máy xét nghiệm	1	
1	Máy nuôi cấy kháng sinh đồ	1	
2	Máy phân tích huyết học	2	
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	2	
4	Máy xét nghiệm sinh hóa	2	
5	Máy phân tích miễn dịch huỳnh quang	1	
6	Dàn Elisa bán tự động	1	
7	Máy Gene Xpert	2	
8	Kính hiển vi	7	
VII	Các thiết bị phòng XN khác		
1	Máy li tâm	4	
2	Máy lắc đờm	2	
3	Máy sấy lam kính	1	
4	Hote vô trùng	2	
5	Tủ an toàn sinh học	3	
6	Tủ ầm, sấy	8	
7	Nồi hấp	5	
8	Bàn sấy tiêu bản	1	
VIII	Máy thở		
1	Máy thở chức năng cao	1	
IX	Máy hút dịch		
1	Máy hút ddôm, dịch	2	
X	Hệ thống phòng học		
1	Phòng học	5	
2	Máy tính (laptop)	5	
3	Máy chiếu	4	
4	Âm thanh (bộ)	5	